

Số: 04/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 17 tháng 4 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quyết định giao biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số 06/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 của Liên Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 10/4/2018 về việc quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự

ng nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định giao biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2018 như sau:

1. Biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND các cấp là 1.701 biên chế và 227 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ (*Phụ lục kèm theo*).

2. Tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình năm 2018:

a. Tổng biên chế sự nghiệp là 21.432 biên chế.

b. Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 419 chỉ tiêu.

3. Số người của các Hội có tính chất đặc thù là 67 biên chế sự nghiệp và 13 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 2.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/4/2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Khi thay đổi về tổ chức bộ máy, phát sinh nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp và hỗ trợ kinh phí cho những đơn vị sự nghiệp có thu theo Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh Ninh Bình.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá tỉnh khóa XIV;
- Các VP: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện, thành uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quảng**



Phụ lục 01

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC**  
**TRONG CƠ QUAN CỦA HĐND, UBND CÁC CẤP VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
**THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NGÀY 17/11/2000 CỦA CHÍNH PHỦ**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/4/2018 của HĐND tỉnh Ninh Bình)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Giao biên chế năm 2018	
		Công chức	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
<b>A</b>	<b>KHỐI TỈNH</b>	<b>1.049</b>	<b>168</b>
<b>1</b>	<b>Cơ quan HĐND tỉnh</b>	<b>28</b>	<b>13</b>
1.1	Lãnh đạo HĐND tỉnh	3	
1.2	Các Ban HĐND	7	
1.3	Văn phòng HĐND tỉnh	18	13
<b>2</b>	<b>Cơ quan UBND tỉnh</b>	<b>62</b>	<b>12</b>
2.1	Lãnh đạo UBND tỉnh	4	
2.2	Văn phòng UBND tỉnh	58	12
<b>3</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>43</b>	<b>3</b>
<b>4</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>61</b>	<b>10</b>
<b>5</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>69</b>	<b>3</b>
<b>6</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>29</b>	<b>3</b>
<b>7</b>	<b>Ban Quản lý các Khu công nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>3</b>
<b>8</b>	<b>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>	<b>193</b>	<b>40</b>
<b>9</b>	<b>Sở Công Thương</b>	<b>111</b>	<b>8</b>
<b>10</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>44</b>	<b>4</b>

u 1

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Giao biên chế năm 2018	
		Công chức	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
11	Sở Văn hoá và thể thao	40	5
12	Sở Du lịch	23	5
13	Sở Giao thông vận tải	43	17
14	Sở Khoa học và Công nghệ	34	5
15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	41	10
16	Sở Y tế	51	8
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	55	7
18	Sở Tư pháp	28	2
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	47	8
20	Sở Thông tin và Truyền thông	22	2
<b>B</b>	<b>CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>652</b>	<b>59</b>
1	UBND thành phố Ninh Bình	87	15
2	UBND thành phố Tam Điệp	79	6
3	UBND huyện Nho Quan	88	8
4	UBND huyện Gia Viễn	79	4
5	UBND huyện Hoa Lư	77	5
6	UBND huyện Yên Khánh	79	2
7	UBND huyện Kim Sơn	87	6
8	UBND huyện Yên Mô	76	13
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.701</b>	<b>227</b>